

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : /ĐLKH- P5
V/v giải trình thay đổi số liệu giữa
BCTC quý 4/2016 và BCTC năm
2016 đã kiểm toán

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa giải trình nguyên nhân số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo tài chính quý 4 năm 2016 đã công bố chênh lệch từ 5% trở lên so với báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán như sau:

Theo quy định công bố báo cáo tài chính quý 4/2016 là trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý nên tại thời điểm lập báo cáo tài chính quý 4/2016 đối với một số công trình nghiệm thu ngày 31/12/2016 chưa thể hoàn tất đầy đủ hồ sơ quyết toán công trình; do đó sau khi bổ sung hoàn thiện các hồ sơ Công ty hạch toán tăng giá trị tài sản, làm số liệu trên BCTC năm 2016 đã kiểm toán thay đổi so với BCTC quý 4/2016 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu theo BCTC Quý 04/2016(1)	Số liệu theo BCTC năm 2016 đã kiểm toán(2)	Chênh lệch (2)-(1)	Ghi chú
Tài sản cố định hữu hình (Mã số 221_B01 DN)	881.840.376.371	928.163.651.782	46.323.275.411	Tăng bổ sung nguyên giá TSCĐ các hạng mục thuộc công trình nhà điều hành công ty 11 Lý Thánh Tôn TP Nha Trang
Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315_B01 DN)	5.814.169.911	56.229.606.300	50.415.436.389	Ghi nhận khoản trích trước chi phí xây dựng phải trả nhà thầu công trình XD CB đã nghiệm thu đang chờ quyết toán chưa xuất hóa đơn tài chính; làm tăng khoản phải trả nhà thầu công trình XD CB với tổng giá trị 50,4 tỷ đồng và tăng chi phí XD CB dở dang 3,7 tỷ đồng.
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 242_B01 DN)	64.590.241.803	71.422.885.411	6.832.643.608	- Chi phí XD CB dở dang tăng thêm 3,1 tỷ đồng theo quyết định điều chỉnh nguồn vốn từ chi phí SXKD sang chi phí đầu tư xây dựng đối với công trình thay máy biến áp không đảm bảo vận hành của toàn Công ty.

Chỉ tiêu	Số liệu theo BCTC Quý 04/2016(1)	Số liệu theo BCTC năm 2016 đã kiểm toán(2)	Chênh lệch (2)-(1)	Ghi chú
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Mã số 318_B01 DN)	2.982.744.367	3.514.562.549	531.818.182	Tăng doanh thu chưa thực hiện đối với khoản khách hàng ứng 50% hợp đồng nhận thầu xây lắp công trình xây dựng mới đường dây cáp ngầm 22KV và TBA 250KVA Công ty TNHH điện ảnh và DV văn hóa sao Việt.

Chỉ tiêu	Số liệu theo BCTC Quý 04/2016(1)	Số liệu theo BCTC năm 2016 đã kiểm toán(2)	Chênh lệch (2)-(1)	Ghi chú
Giá vốn hàng bán(Mã số 11_B02 DN)	3.264.086.162.571	3.267.861.819.538	3.775.656.967	+ Tăng giá vốn 6,9 tỷ đồng (do hạch toán điều chỉnh phân bổ chi phí trích trước BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo kế hoạch thang bảng lương mới 2016 của Công ty từ chi phí QLDN sang giá vốn và CPBH không làm thay đổi lợi nhuận) + Giảm giá vốn 3.1 tỷ đồng theo QĐ điều chỉnh nguồn vốn từ chi phí SXKD điện sang chi phí đầu tư xây dựng đối với công trình thay máy biến áp không đảm bảo vận hành của toàn Công ty.
Chi phí bán hàng (Mã số 25_B02 DN)	109.598.368.971	110.892.291.425	1.293.922.454	Điều chỉnh phân bổ chi phí trích trước BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (như đã nêu ở Mã số 11_B02DN)
Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26_B02 DN)	60.027.802.206	52.140.515.298	-7.887.286.908	+ Giảm CP QLDN 8,2 tỷ đồng: điều chỉnh phân bổ chi phí trích trước BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (như đã nêu ở Mã số 11_B02DN) + Tăng CP QLDN 349 triệu đồng (tăng CP trích bổ sung Quỹ PT khoa học và công nghệ)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30_B02 DN)	47.385.359.005	50.203.066.492	2.817.707.487	Tăng giá vốn: 3,7 tỷ (Mã số 11_B02DN), tăng CP bán hàng: 1,2 tỷ đồng (Mã số 25_B02DN) và giảm CP QLDN: 7,8 tỷ đồng (Mã số 26_B02DN)

Chỉ tiêu	Số liệu theo BCTC Quý 04/2016(1)	Số liệu theo BCTC năm 2016 đã kiểm toán(2)	Chênh lệch (2)-(1)	Ghi chú
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Mã số 343_B01 DN)	2.605.945.861	2.955.581.992	349.636.131	Trích bổ sung theo quy chế từ lợi nhuận tính thuế TNDN tăng thêm
Thuế và các khác phải thu Nhà Nước (Mã số 153_B01 DN)	12.247.623.514	10.507.832.373	-1.739.791.141	Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước giảm; chi phí thuế TNDN tăng do:
Chi phí thuế TNDN hiện hành(Mã số 51_B02 DN)	17.387.805.072	19.127.596.213	1.739.791.141	+Lợi nhuận trước thuế tăng 3 tỷ gồm (LN kinh doanh: 2,8 tỷ đồng và LN khác 269 triệu đồng) + Tăng 8,2 tỷ đồng khoản chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN (chủ yếu từ 2 khoản chi phí lớn là chi phí thiệt hại do lũ, vỡ mương tại tổng kho đối với các vật tư bị ngấm nước chờ kiểm tra phục hồi sửa chữa: 7,7 tỷ đồng và chi phí khấu hao TSCĐ tăng bổ sung: 233 triệu đồng, ngoài ra còn một số chi phí không được trừ khác)

Công ty kính báo để Quý Ủy ban và Sở được biết.
Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TKCT;
- Lưu VT, P5.